

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
KHOA KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Kinh tế môi trường

Tài liệu: toituhockinhte.wordpress.com (Kinh tế môi trường)

GIỚI THIỆU CHUNG

Tên môn học: Kinh tế môi trường (Environmental economics).

Bộ phận phụ trách: Bộ môn Kinh tế Môi trường, Nông nghiệp và Tài nguyên (Department of Environmental, Agricultural and Resource Economics – DEAR), Khoa Kinh tế, Đại học Kinh tế Tp.HCM – UEH).

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Giáo viên phụ trách: Phùng Thanh Bình

Email: ptbinh@ueh.edu.vn

MÔ TẢ MÔN HỌC

Kinh tế môi trường nghiên cứu các vấn đề về môi trường theo quan điểm và phương pháp phân tích của kinh tế học. Cũng giống như tất cả các môn kinh tế học khác, kinh tế môi trường quan tâm đến vấn đề cơ bản là phân phối các nguồn tài nguyên khan hiếm cho các mục đích sử dụng có tính cạnh tranh thông qua công cụ phân tích lợi ích – chi phí. Sự khác biệt với các môn học kinh tế khác nằm ở chỗ kinh tế môi trường tập trung xem các hoạt động kinh tế của con người gây ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên. Các quyết định kinh tế của con người – các nhà sản xuất, những người tiêu dùng và chính phủ có thể gây ra những ảnh hưởng có hại đến môi trường tự nhiên. Điều đó dẫn đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên không tối ưu. Tại sao điều này lại xảy ra trong hệ thống kinh tế? Tại sao con người không tính đến các ảnh hưởng ngoại tác từ các hoạt động kinh tế lên môi trường thiên nhiên? Làm thế nào để thay đổi hành vi của con người để đạt được mục đích sử dụng tối ưu xã hội tất cả các nguồn tài nguyên môi trường. Kinh tế môi trường sẽ trả lời các câu hỏi như thế. Môn học tập trung vào các nội dung sau đây: (1) Tìm hiểu nguyên nhân cơ bản của suy thoái môi trường theo

quan điểm kinh tế học; (2) Giải thích tại sao các công cụ kinh tế có thể giúp giải quyết các vấn đề suy thoái môi trường; (3) Hướng dẫn thực hiện các phương pháp định giá phi thị trường để ước tính chi phí kinh tế của các thiệt hại môi trường hoặc các lợi ích kinh tế của các dự án/chính sách cải thiện chất lượng môi trường; và (4) Phân tích các rủi ro tiềm ẩn về môi trường đối với các dự án đầu tư trong tương lai.

ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT

Học viên cần phải được trang bị trước hai môn học sau đây:

- Kinh tế học vi mô (Principles of Microeconomics)
- Phân tích lợi ích - chi phí (Cost-Benefit Analysis)

MỤC TIÊU MÔN HỌC

Môn học được thiết kế nhằm giúp người học đạt các mục tiêu cụ thể sau đây:

- Giải thích các vấn đề suy thoái môi trường theo quan điểm kinh tế học;
- Phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chất lượng môi trường;
- Kiểm soát ô nhiễm môi trường bằng các công cụ kinh tế và thay đổi quyền sở hữu tài sản;
- Sử dụng các kỹ thuật định giá phi thị trường để lượng hóa bằng tiền tác động môi trường của các hoạt động kinh tế (ước tính chi phí kinh tế của thiệt hại môi trường và lợi ích kinh tế của sự cải thiện môi trường);
- Áp dụng phân tích lợi ích – chi phí cho các tình huống ra quyết định trong quản lý môi trường;
- Tìm hiểu việc quản lý môi trường ở Việt Nam và kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới;
- Phát triển ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế môi trường.

NỘI DUNG MÔN HỌC

Môn học được chia thành bốn bài giảng sau đây:

BÀI GIẢNG 1: MỐI LIÊN KẾT GIỮA KINH TẾ - MÔI TRƯỜNG VÀ NGUYÊN NHÂN SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG

Tóm lược: Trong bài giảng này, chúng ta thảo luận tại sao nhiều người cho rằng kinh tế là kẻ thù của môi trường nhưng kinh tế học lại có thể góp phần giải quyết các vấn đề môi trường, đặc biệt là ở một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Trước hết, chúng ta lược khảo về lịch sử kinh tế môi trường qua hai bài viết của Sandmo (2015) và Pearce (2002). Thứ hai, chúng ta sẽ tìm hiểu mối liên kết giữa kinh tế và môi trường thông qua mô hình cân bằng vật chất. Thứ ba, chúng ta thảo luận cách thức các nhà kinh tế học lý giải nguyên nhân của vấn đề suy thoái môi trường và gợi ra các hàm ý chính sách làm cho sự phát triển kinh tế trở nên bền vững hơn.

Thời lượng: 7 giờ

Ghi chú bài giảng:

- Giới thiệu tổng quan
- Sơ lược lịch sử kinh tế môi trường
- Biểu thị kinh tế của suy thoái môi trường
- Nguyên nhân suy thoái môi trường: Thất bại thị trường (giới thiệu chung)
- Nguyên nhân suy thoái môi trường: Thất bại thị trường (ngoại tác)
- Nguyên nhân suy thoái môi trường: Thất bại thị trường (quyền sở hữu)
- Nguyên nhân suy thoái môi trường: Thất bại chính quyền

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Callan, S., and J. Thomas. 2013. *Environmental Economics and Management: Theory, Policy and Applications*. Chương 3.
- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition. McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chương 1, 2, 3, và 4.
- Panayotou, T. 1992. *Green Markets: The Economics of Sustainable Development*. Press for the International Center for Economic Growth. Chương 2 và 3.

- Turner, K., D. Pearce, and I. Bateman. 1994. *Environmental Economics: An Elementary Introduction*. Harvester Wheatsheaf Publisher. Chương 5 và 6.

B. Tiếng Anh

- Hardin, G. 1968. The Tragedy of the Commons. *Science*, 162: 38-59.
- Pearce, D. 2002. An Intellectual History of Environmental Economics. *Annu. Rev. Energy Environ*, 27: 57-81.
- Sandmo. 2015. The early history of environmental economics. *Review of Environmental Economics and Policy* 9.

BÀI GIẢNG 2: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG

Tóm lược: Trong bài giảng này chúng ta sẽ thảo luận về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chất lượng môi trường trên thực tế. Thứ nhất, chúng ta sẽ nói về khái niệm phát triển bền vững, các khía cạnh của phát triển bền vững, những nguy hiểm về phát triển bền vững của các nước giàu. Thứ hai, chúng ta sẽ nói sơ qua về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và chất lượng môi trường thông qua đường cong Kuznets về môi trường và các bằng chứng trên thực tế. Thứ ba, chúng ta sẽ bàn luận làm thế nào để làm cho phát triển trở nên bền vững trong thực tế thông qua chương trình hành động của các doanh nghiệp khi tham gia lập các báo cáo bền vững thường niên. Cuối cùng, sinh viên sẽ trình bày các vấn đề môi trường ở Việt Nam qua các báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia cũng như các báo cáo phát triển bền vững của một số doanh nghiệp điển hình.

Ghi chú bài giảng:

- Phát triển kinh tế và môi trường
- Nội dung báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp
- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Thời lượng: 5 giờ

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Hồ Hoàng Anh. 2012. Phát triển bền vững: Nguồn gốc lịch sử và các vấn đề lý thuyết. Ghi chú bài giảng Kinh tế Phát triển. tải về
- Panayotou, T. 1992. *Green Markets: The Economics of Sustainable Development*. Press for the International Center for Economic Growth. Chương 6.

- Sterner, T. 2003. *Policy Instruments for Environmental and Natural Resource Management*. RFF. Chương 2.
- Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia: giai đoạn 2011 - 2015, môi trường nông thôn 2014, môi trường đô thị 2016
- Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam: vbcsd.vn
- Phạm Thị Minh Hồng. 2016. Vai trò của báo cáo phát triển bền vững với doanh nghiệp Việt trong bối cảnh hội nhập. Tạp Chí Tài Chính.

B. Tiếng Anh

- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition. McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chapter 20.
- Grafton, R.Q., W. Adamowicz, D. Dupont, H. Nelson, R.J. Hill, and S. Renzetti. 2004. *The Economics of the Environment and Natural Resources*. Blackwell Publishing. Chapter 11.
- Holden, E., K. Linnerud, and D. Banister. 2014. Sustainable Development: Our Common Future Revisited. *Global Environmental Change*, 26: 130-139.
- Galeotti, M. 2007. Economic growth and the quality of the environment: Taking stock. *Environment, Development, and Sustainability* 9.

C. Phim Tư Liệu (phantichkinhte123.com)

- Kế hoạch đào thải non sản phẩm
- Tổng hợp phim về than
- Dệt may: thời trang độc hại
- Cá nuôi: kinh tế, môi trường, và sức khỏe
- Thời đại nhôm: tiện nghi và hiểm họa
- Báo cáo Meadows về giới hạn của tăng trưởng
- Bảo vệ nước là bảo vệ sự sống, ...

BÀI GIẢNG 3: KINH TẾ HỌC VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

CHỦ ĐỀ 1: KHUNG PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG VÀ MỨC Ô NHIỄM TỐI ƯU

Tóm lược: Trong bài giảng 1, ta đã tìm hiểu các nguyên nhân của suy thoái môi trường theo quan điểm kinh tế. Do đa phần các tài nguyên môi trường thuộc nhóm tài nguyên

tự do tiếp cận (để khai thác hoặc phát thải), và điều này sẽ dẫn đến bi kịch của cái chung mà Hardin đã cảnh báo gần 50 năm qua. Cho nên, việc xác lập quyền sở hữu là một giải pháp quan trọng để quản lý tài nguyên một cách hữu hiệu. Tuy nhiên, không phải tài nguyên môi trường nào cũng có thể xác lập và thực thi quyền sở hữu được. Hành vi gây ô nhiễm là rất duy lý của những người ra quyết định vì nó không phải là một thực chi của họ khi mà xã hội chưa có một cơ chế nào buộc phải nội hóa những ngoại tác mà hội sẽ gây ra. Chính vì thế, các nhà kinh tế môi trường đã đề xuất một số cách tiếp cận khác nhau để thay đổi hành vi của những người ra quyết định với mong muốn làm cho sự phát triển kinh tế trở nên bền vững hơn. Để đưa ra mức can thiệp thích hợp (hiệu quả về mặt kinh tế), các nhà kinh tế môi trường đã sử dụng khung phân tích lợi ích - chi phí, trong đó quan trọng nhất là định giá giá trị kinh tế của các thiệt hại do ô nhiễm để xác định mức phát thải tối ưu.

Thời lượng: 3 giờ

Ghi chú bài giảng:

- Mức ô nhiễm tối ưu
- CBA: Giới thiệu
- CBA: Nền tảng phúc lợi và giá trị kinh tế
- CBA: Nhận dạng và lượng hóa các lợi ích, chi phí
- CBA: Tiền tệ hóa các lợi ích, chi phí
- CBA: Lập bảng lợi ích - chi phí
- CBA: Chiết khấu và các tiêu chí đánh giá dự án
- CBA: Phân tích rủi ro và đưa ra đề nghị
- CBA: Sơ đồ quy trình thực hiện

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition. McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chương 5, và 6.

B. Tiếng Anh

- Grafton, R.Q., W. Adamowicz, D. Dupont, H. Nelson, R.J. Hill, and S. Renzetti. 2004. *The Economics of the Environment and Natural Resources*. Blackwell Publishing. Chapter 3.

- Hussen, A.M. 2000. *Principles of Environmental Economics: Economics, Ecology, and Public Policy*. Routledge. Chapters 10 & 15.

CHỦ ĐỀ 2: SO SÁNH CÁC CÔNG CỤ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

Tóm lược: Ở chủ đề trước ta đã bàn về mức ô nhiễm hiệu quả (tối ưu) - là mức ô nhiễm tại đó lợi ích biên (MDC) bằng với chi phí biên (MAC) của việc giảm phát thải. Đó là mức ô nhiễm mà các nhà làm chính sách muốn nhắm đến khi đưa ra các quyết định kiểm soát. Tuy nhiên, mức ô nhiễm hiệu quả (tức hiệu quả Pareto) hầu như không thể đạt được, bởi vì ta không có thông tin đầy đủ về MAC hay MDC của tất cả các nguồn gây ô nhiễm. Nên mục tiêu có thể đạt được là đảm bảo rằng phương pháp kiểm soát ô nhiễm là **hiệu quả chi phí** (cost-effective). Về phương diện này, thì các công cụ kinh tế (economic instruments) tốt hơn phương pháp CAC (command and control). Các nhà kinh tế môi trường cho rằng một công cụ kiểm soát tốt không chỉ mang lại hiệu quả chi phí, mà còn phải đạt **hiệu quả động** (dynamic efficiency) hay còn gọi là khuyến khích đổi mới công nghệ (technological innovation). Nghĩa là, họ quan tâm đến khả năng mà một phương pháp kiểm soát ô nhiễm có thể cung cấp các khuyến khích qua thời gian để những người gây ô nhiễm giảm phát thải hơn nữa, tức là khuyến khích họ đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) để đổi mới công nghệ. Về phương diện này thì các công cụ kinh tế tốt hơn phương pháp CAC. Bên cạnh đó, một công cụ khi áp dụng vào thực tiễn phải có **tính linh hoạt cao** (flexibility). Nghĩa là, có khả năng tự động điều chỉnh “giá” của ô nhiễm dựa trên các áp lực thị trường (ví dụ như giấy phép phát thải). Ngược lại, một phương pháp kiểm soát ô nhiễm cần một quá trình điều chỉnh (theo những yêu cầu, appeals) mới thay đổi thì không linh hoạt (ví dụ như CAC, hay phí phát thải). Mặc dù các nhà kinh tế quan tâm nhiều về sự hiệu quả (efficiency), nhưng các tiêu chí khác cũng quan trọng khi chọn lựa giữa các phương pháp kiểm soát khác nhau. Tiêu chí **công bằng** (equity) - đề cập đến việc ai gánh chịu chi phí và ai tận hưởng lợi ích từ việc kiểm soát ô nhiễm, cũng rất được quan tâm khi lựa chọn giữa các biện pháp kiểm soát ô nhiễm. Ví dụ, việc người gây ô nhiễm không trả ít nhất là một ít chi phí để giảm phát thải là không công bằng. Khái niệm công bằng được hàm ý trong nguyên tắc **người gây ô nhiễm phải trả** (polluter pays principle). Cuối cùng, phải tính đến **chi phí thực thi** (institution costs). Một số phương pháp thì rất tốn kém để thiết lập và đảm bảo việc quan trắc và thực thi phù hợp (monitoring and enforcement). Tùy thuộc vào môi trường thể chế, các chi phí thực thi có thể không thể kham nổi ở một số khu vực pháp lý (jurisdictions) và trong một số khác thì thiếu các năng lực thể chế để quan trắc và thực thi một cách thỏa đáng việc phát thải. Ví dụ, một phương pháp kiểm soát ô nhiễm có thể được ưa thích ở Mỹ, có thể không phù hợp ở một quốc gia nghèo với các thể chế công vận hành kém cỏi. (Nguồn: Grafton et al. 2004).

Thời lượng: 10 giờ

Ghi chú bài giảng:

- CAC - Tiêu chuẩn môi trường: tải về
- Công cụ kinh tế - Thuế ô nhiễm và phí phát thải: tải về
- Công cụ kinh tế - Trợ cấp và hệ thống ký quỹ - hoàn trả: tải về
- Công cụ kinh tế - Giấy phép phát thải: tải về
- Công cụ khác: tải về
- So sánh các công cụ kiểm soát - Vấn đề tiết lộ thông tin: tải về

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chương 9, 10, 11, 12, 13, và 14.
- Turner, K., D. Pearce, and I. Bateman. 1994. *Environmental Economics: An Elementary Introduction*. Harvester Wheatsheaf Publisher. Chương 10, 11, 12, 13, 14, và 18.
- Sterner, T. 2003. *Policy Instruments for Environmental and Natural Resource Management*. RFF. Chương 6-10, 18.

B. Tiếng Anh

- Grafton, R.Q., W. Adamowicz, D. Dupont, H. Nelson, R.J. Hill, and S. Renzetti. 2004. *The Economics of the Environment and Natural Resources*. Blackwell Publishing. Chapters 2 and 3.
- Hussen, A.M. 2000. *Principles of Environmental Economics: Economics, Ecology, and Public Policy*. Routledge. Chapters 11, 12.

CHỦ ĐỀ 3: KIỂM SOÁT Ô NHIỄM Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Tóm lược: Trong chủ đề này chúng ta sẽ thảo luận luật bảo vệ môi trường và một số nghị định liên quan đến công tác kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam theo quan điểm của kinh tế môi trường. Đồng thời lược khảo kinh nghiệm kiểm soát ô nhiễm bằng các công cụ kinh tế của một số quốc gia trên thế giới. Từ đó, chúng ta có thể đánh giá những hạn chế về mặt chính sách và suy nghĩ về những rủi ro tiềm ẩn mà các doanh nghiệp có thể gặp phải một khi chính sách môi trường thay đổi theo xu hướng hội nhập quốc tế.

Ghi chú bài giảng:

- Kiểm soát ô nhiễm trên thực tế

Thời lượng: 5 giờ

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt

- Sterner, T. 2003. *Policy Instruments for Environmental and Natural Resource Management*. RFF. Chương 19-25.
- Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về tài nguyên và môi trường.
- Bảo vệ môi trường bằng công cụ thuế, phí môi trường và hiệu quả của giải pháp hiện nay ở Việt Nam (2016). tải về

Tiếng Anh

- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chapters 15-17.

BÀI GIẢNG 4: ĐỊNH GIÁ MÔI TRƯỜNG

Sơ lược: Như đã trình bày ở Chủ đề 1, Bài giảng 3, thì bất kỳ một chính sách kiểm soát ô nhiễm như áp dụng một mức thuế carbon đối với các ngành sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch như thép, xi măng, và dệt nhuộm hay một dự án đầu tư với mục đích xử lý ô nhiễm như dự án xử lý nước thải tại một khu công nghiệp, và dự án xử lý rác thải tại một địa phương đều có hai mặt: chi phí và lợi ích. Chi phí của loại chính sách hay dự án phần lớn là các chi phí có thị trường, nên việc lượng hóa bằng tiền tương đối dễ dàng bằng cách ước tính giá ẩn trên cơ sở giá thị trường có sẵn. Tuy nhiên, các lợi ích phần lớn thuộc loại phi thị trường như lợi ích về sức khỏe, năng suất, và môi trường. Để ước tính những lợi ích kinh tế này, các nhà kinh tế môi trường đã phát triển nhiều kỹ thuật định giá khác nhau để suy ra giá sẵn lòng trả (WTP) hoặc giá sẵn lòng chấp nhận đền bù (WTA). Và đây là trọng tâm của bài giảng này.

CHỦ ĐỀ 1: GIỚI THIỆU VÀ KHUNG LÝ THUYẾT

Sơ lược: Chủ đề này sẽ nhắc lại khung phân tích chính sách môi trường đã được đề cập ở Bài giảng 3, trong đó nhấn mạnh khía cạnh lợi ích của việc giảm ô nhiễm, tức đường MDC. Trước hết, chúng ta sẽ nói sơ lược về mô hình hữu dụng ngẫu nhiên (random utility model) để hiểu khái niệm WTP và WTP cũng như các biến thể của khái niệm thặng dư tiêu dùng. Chúng ta cũng lý giải tại sao WTP và WTP khác nhau nhằm mục đích

khuyến khích những sinh viên quan tâm tìm đọc thêm những cuốn sách về kinh tế học hành vi (ví dụ tư duy nhanh và chậm). Sau đó, chúng ta sẽ bàn về các chức năng của môi trường và các thành phần trong tổng giá trị kinh tế (TEV – total economic value) của một tài nguyên môi trường. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ giới thiệu các nhóm phương pháp định giá thích hợp cho từng thành phần trong tổng giá trị kinh tế vì không phải một chính sách kiểm soát ô nhiễm hay một dự án giảm ô nhiễm đều tác động đến toàn bộ giá trị kinh tế của một tài nguyên môi trường. Sau cùng, chúng ta sẽ thảo luận về một quy trình chuẩn để thực hiện một dự án nghiên cứu về định giá giá trị môi trường. Ở đây, chúng ta không đặt nặng về kỹ thuật thu thập dữ liệu bằng điều tra và các kỹ thuật phân tích số liệu bằng những mô hình hồi quy phức tạp.

Ghi chú bài giảng:

- WTP và WTA
- Tổng giá trị kinh tế (TEV)
- Tổng quan các phương pháp định giá môi trường
- Các bước thực hiện phương pháp định giá môi trường

Thời lượng: 2 giờ

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chương 7.

B. Tiếng Anh

- Grafton, R.Q., W. Adamowicz, D. Dupont, H. Nelson, R.J. Hill, and S. Renzetti. 2004. *The Economics of the Environment and Natural Resources*. Blackwell Publishing. Chapter 8.

CHỦ ĐỀ 2: GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG BỘC LỘ THÔNG QUA HÀNH VI THỊ TRƯỜNG

Sơ lược: Thông thường, người ta chia nhóm này thành hai nhóm phương pháp riêng biệt: (1) nhóm phương pháp sử dụng giá thị trường vì giá trị kinh tế liên quan đến giá trị sử dụng trực tiếp cho tiêu dùng như ô nhiễm gây thiệt hại cho năng suất cây trồng, thủy sản, sức khỏe, hay phải thay thế bằng những nhập lượng thị trường khác, và (2) nhóm phương pháp dựa vào thị trường đại diện liên quan đến giá trị sử dụng trực tiếp phi tiêu dùng hoặc giá trị sử dụng gián tiếp như ô nhiễm ảnh hưởng xấu đến hoạt động giải trí ở những thắng cảnh thiên nhiên, bãi chôn lấp rác có thể làm cho các bất động

sản xung quanh rớt giá. Tuy nhiên, để cho gọn, chúng ta gom lại thành nhóm các phương pháp bộ lộ sự ưa thích thông qua hành vi thị trường vì dù sao ta cũng có điểm chung là giá trị sử dụng (use value) trong tổng giá trị kinh tế và đều dựa vào một thị trường cụ thể nào đó để ước tính giá trị kinh tế. Ở đây, chúng ta chỉ tập trung vào các phương pháp chủ yếu như phương pháp thay đổi năng suất (change in productivity), phương pháp chi phí bệnh tật (cost of illness), phương pháp hành vi bảo vệ (preventive behaviour), phương pháp chi phí thay thế (replacement cost), phương pháp chi phí du hành (TCM – travel cost method), và phương pháp đánh giá hưởng thụ (hedonic pricing method). Chúng ta chỉ giới thiệu sơ lược về ý tưởng của các phương pháp chứ không đi sâu vào vấn đề thu thập dữ liệu và phân tích hồi quy.

Ghi chú bài giảng:

- Các phương pháp dựa vào thị trường
- Phương pháp chi phí du hành
- Phương pháp đánh giá hưởng thụ

Thời lượng: 8 giờ

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Field, B., and N. Olewiler. 2002. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chương 7.
- Markandya, A., and J. Richardson. 1993. *The Earthscan reader in Environmental Economics*. Earthscan Publications. Chương 11.

B. Tiếng Anh

- Grafton, R.Q., W. Adamowicz, D. Dupont, H. Nelson, R.J. Hill, and S. Renzetti. 2004. *The Economics of the Environment and Natural Resources*. Blackwell Publishing. Chapter 10.

CHỦ ĐỀ 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÁT BIỂU SỰ ƯA THÍCH

Sơ lược: Đa số các hàng hóa và dịch vụ môi trường thuộc nhóm giá trị phi sử dụng (nonuse value), nên rất khó lần mò theo hành vi thị trường để xem người ta bộc lộ ưa thích nhiều hay ít. Cho nên không thể sử dụng phương pháp nghiên cứu quan sát có cấu trúc hoặc dựa vào sự hồi tưởng để có dữ liệu nghiên cứu. Con người có thể thích đa dạng sinh học, có thể yêu thích không khí trong lành, có thể mong muốn lưu truyền cho thế hệ con cháu những nét đặc trưng văn hóa truyền thống và rất nhiều thứ mà thị

trường chưa tồn tại. Người ta thích và chỉ bản thân họ biết họ thích nhiều hay ít mà người khác không thể nào biết được. Chính vì thế, các nhà kinh tế môi trường đã phát triển các kỹ thuật định giá (để suy ra giá sẵn lòng trả) qua đó chính đối tượng nghiên cứu nói ra giá sẵn lòng trả của mình lựa chọn của mình và/hoặc cho biết họ ưa thích sự lựa chọn nào. Để làm được điều này, chúng ta phải phát họa ra một thị trường giả định (hypothetical market) cho một hàng hóa dịch vụ cụ thể mà hiện giờ thị trường chưa tồn tại; và đặt đối tượng nghiên cứu giả như họ là một người tiêu dùng tiềm năng phải ra quyết định trong tình huống thị trường giả định như thế. Đây là cách tiếp cận khá hay nhưng đòi hỏi cao về việc thiết kế nghiên cứu, thực hiện điều tra, phỏng vấn, và xử lý kinh tế lượng. Hai phương pháp điển hình là phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (CVM – contingent valuation method) và thí nghiệm lựa chọn (CE – choice experiment). Do thời lượng hữu hạn mà tri thức là vô hạn, nên chúng ta chỉ giới thiệu sơ lược để những ai quan tâm có thể tự nghiên cứu sâu hơn. Tự học là trường đại học tuyệt vời nhất trên hành tinh chúng ta.

Ghi chú bài giảng:

- CVM và CE

Thời lượng: 5 giờ

Tài liệu tham khảo:

A. Tiếng Việt

- Field, B., and N. Olewiler. 2005. *Environmental Economics*. Updated 2nd Canadian Edition, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. Chương 7.

B. Tiếng Anh

- Grafton, R.Q., W. Adamowicz, D. Dupont, H. Nelson, R.J. Hill, and S. Renzetti. 2004. *The Economics of the Environment and Natural Resources*. Blackwell Publishing. Chapter 9.

YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

Để có thể đạt kết quả tốt sinh viên cần:

- Ngoài 45 giờ trên lớp, học viên phải đọc sách, làm bài tập và nghiên cứu thêm tài liệu tham khảo với thời lượng tối thiểu là 90 giờ.
- Để được dự thi cuối khóa, học viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp.
- Tham gia thuyết trình nhóm.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

- Thi giữa kỳ: 20%
- Thuyết trình nhóm: 20%
- Thi cuối môn học: 60%